

Bản án số: 92/2024/DS-PT

Ngày 26-9-2024

*“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi
thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 01-07-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2024/QĐ-PT ngày 26-8-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2024/QĐ-PT ngày 11-9-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim H; địa chỉ: Lô A, đường T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Dương Quốc H1; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Ông Nguyễn Xuân T; địa chỉ: Số A, đường B, tổ B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị C; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn Q; địa chỉ: Số C T, tổ dân phố D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Quốc H1 và bà Phạm Thị H2; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Ông H1 có mặt, bà H2 vắng mặt;

- Anh Lê Văn D; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Anh Phạm Minh B; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt;

- Anh Nguyễn Văn T2; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

- Ông Nguyễn Đình A; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/12/2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H và người đại diện theo ủy quyền ông Dương Quốc H1 trình bày:

Do có quan hệ là chị em ruột trong gia đình, nên từ ngày 01/8/2018 bà Phạm Thị Kim H có cho bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng để làm ăn, khi cho vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (28.000.000 đồng/tháng), thời hạn vay là 12 tháng. Vợ chồng bà C đã thanh toán đầy đủ tiền lãi cho bà H đúng như hai bên thỏa thuận. Khi đến hạn thanh toán nợ thì vợ chồng bà C, ông T1 có nhu cầu tiếp tục vay lại số tiền trên nên ngày 01/8/2019 các bên có làm lại thỏa thuận vay tiền với nội dung nguyên đơn có cho bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 vay số tiền 1.400.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng (28.000.000 đồng/tháng), trả tiền lãi tháng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 05/9/2019 đến ngày 05/9/2020. Đến ngày 05/9/2019, bà H và vợ chồng bà C, ông T1 thỏa thuận lại việc vay tiền nên đã lập hợp đồng vay tiền ngày 05/9/2019, hai bên có lập thành hợp đồng viết tay, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng và vợ chồng bà C, ông T1 thế chấp tài sản cho bà H là chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 48C – 08279 (bà C, ông T1 nhờ bà Phạm Thị H2, ông Dương Quốc H1 là chị gái và anh rể của bà C đứng tên) với giá trị chiếc xe là 700.000.000 đồng. Từ ngày 01/8/2018 đến ngày 01/11/2019 bà C, ông T1 đã thanh toán cho bà H được 15 tháng tiền lãi với số tiền là 420.000.000 đồng (12 tháng tiền lãi của thỏa thuận vay tiền ngày 1/8/2018 và 03 tháng tiền lãi của thỏa thuận vay tiền ngày 05/9/2019).

Do bà C, ông T1 không thực hiện việc thanh toán nợ như thỏa thuận nên vào ngày 11/01/2020 bà H gọi điện cho ông H1, bà H2 đến xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục sang tên chiếc xe cho bà H, đồng thời bà H đã nhờ một người đàn ông gọi cho tài xế của bà C, ông T1 là anh Nguyễn Văn T2 chạy chiếc xe tải mà bà C, ông T1 đã thế chấp cho bà H nói là nhờ chở hoa bán tết và sẽ trả công vận chuyển, khi anh T2 đến chỗ hẹn thì bà H đã yêu cầu anh T2 đưa toàn bộ giấy tờ xe, sau đó bà H cùng với ông H1, bà H2 đã đến phòng công chứng tại huyện C để làm hợp đồng công chứng sang tên đổi chủ đối với chiếc

xe tải. Sau đó bà H có đưa xe về gửi tại xã Đ và đã nhiều lần gọi điện yêu cầu bà C, ông T1 đến nhận xe về nhưng ông T1, bà C không thực hiện, nên bà H đã cho anh Lê Văn D thuê chiếc xe tải với giá cho thuê là 15.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê là 06 tháng từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/9/2020. Hiện nay bà H là người đang quản lý chiếc xe tải trên. Đã nhiều lần bà H yêu cầu vợ chồng bà C, ông T1 thanh toán nợ nhưng họ không thực hiện, vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng và lãi suất là 1,66%/tháng, từ ngày 05/9/2019 đến ngày xét xử 01/07/2024 thì vợ chồng bà C, ông T1 còn nợ của bà H số nợ gốc là: 1.400.000.000 đồng. Số tiền lãi được tính như sau: $1.400.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} (23.240.000 \text{ đồng/tháng}) \times 57 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 1.344.047.000 \text{ đồng}$ - (trừ đi tiền lãi đã trả là 84.000.000 đồng của 03 tháng), còn lại 1.260.047.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi vợ chồng bà C, ông T1 còn phải thanh toán cho bà H $1.400.000.000 \text{ đồng} + 1.260.047.000 \text{ đồng} = 2.660.047.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của bà H đồng thời người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1 đồng ý với bị đơn bà C, bà H2 cản trừ giá trị chiếc xe tải biển biển soát số 48C – 08279 của bà C, ông T1 với giá tiền 750.000.000 đồng trừ vào tiền gốc. Đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn thì nguyên đơn không chấp nhận.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Bà C thừa nhận vào ngày 01/8/2018 vợ chồng bà C có vay của bà H số tiền là 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 0,2%/tháng việc vợ chồng bà C vay tiền của bà H được bà H lập thành văn bản, vợ chồng bà C đã thanh toán đầy đủ tiền lãi cho bà H. Mục đích của vợ chồng bà C vay số tiền 1.400.000.000 đồng của bà H là để mua xe ô tô tải để làm ăn, khi vợ chồng bà C mua xe thì có nhờ bà Phạm Thị H2, ông Dương Quốc H1 (là chị gái và anh rể bà C) đứng tên, trong quá trình vay vợ chồng bà đã trả tiền lãi cho bà H như thỏa thuận. Đến hạn trả nợ ngày 01/8/2019 do có nhu cầu tiếp tục vay lại số tiền trên nên ngày 01/8/2019 vợ chồng bà C ký lại giấy vay số tiền 1.400.000.000 đồng của bà H, với lãi suất như cũ 0,2%/tháng và thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng. Sau đó khoảng 01 tháng thì bà H có gửi một hợp đồng vay tiền đề ngày 05/9/2019 về thời hạn vay, lãi suất không thay đổi nhưng có thêm nội dung là vợ chồng bà C thế chấp chiếc xe ô tô tải cho bà H với giá trị là 700.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà C ký vào phần người vay tiền. Mỗi tháng vợ chồng bà C phải thanh toán cho bà H cả gốc và lãi là 28.000.000 đồng (trong đó tiền lãi là 2.800.000 đồng và 25.200.000 đồng tiền gốc), từ khi vay lại lần hai (ngày 05/9/2019 đến cuối năm 2019) vợ chồng bà C đã thanh toán cho bà H được 420.000.000 đồng trong đó có 84.000.000 đồng bà C chuyển khoản cho bà H còn 336.000.000 đồng bà C đưa trực tiếp cho bà H, do là chị em với nhau nên khi giao tiền cho bà H thì bà C không yêu cầu bà H ký xác nhận. Khi chưa đến thời hạn thanh toán nợ nhưng ngày 11/01/2020 bà H đã dùng thủ đoạn gian dối gọi cho tài xế của vợ chồng bà C là anh Nguyễn Văn T2 nói là thuê xe chở hoa, khi anh T2 chạy xe đến nơi bà H hẹn thì bà H ép anh T2 phải giao giấy tờ xe cho bà H và bà H cùng với vợ chồng bà H2, ông H1 đến phòng công chứng để làm

thủ tục sang tên cho bà H để cản trừ vào số tiền mà vợ chồng bà C nợ bà H, sau đó vợ chồng bà C đã trình báo đến Công an xã H và cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B về hành vi của bà H nhưng cơ quan Công an không xử lý.

Chiếc xe ô tô là phương tiện duy nhất kiếm sống của vợ chồng bà C nên từ khi bà H lấy xe đến nay vợ chồng bà C phải thuê một chiếc xe ô tô tải của anh Nguyễn Đình A với giá thuê là 35.000.000 đồng/tháng để làm ăn.

Tính đến cuối năm 2019 thì bà C, ông T1 đã thanh toán cho bà H được 420.000.000 đồng trong đó tiền lãi 42.000.000 đồng, tiền gốc 378.000.000 đồng, nên nay bà C chỉ chấp nhận thanh toán tiền lãi trên số nợ gốc còn lại với lãi suất hai bên thỏa thuận 0,2%/tháng tính từ ngày 01/01/2020 đến nay (1.400.000.000 đồng – 378.000.000 đồng = 1.022.000.000 đồng).

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể bị đơn chấp nhận thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc, lãi như sau: 1.400.000.000 đồng – 378.000.000 đồng = 1.022.000.000 đồng, lãi suất 0,2%/tháng đến ngày xét xử là (1.022.000.000 đồng x 0,2%/tháng x 53 tháng 19 ngày) = 109.626.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.022.000.000 đồng + 109.626.500 đồng = 1.131.626.500 đồng

Ngày 30/3/2021 bị đơn có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, cụ thể:

- Yêu cầu Hủy một phần hợp đồng vay tài sản ngày 05/9/2019 giữa bà H với bà C ông T1 đối với nội dung sửa chữa, tẩy xóa mức lãi suất từ 0,2% lên 2%.

- Yêu cầu Tòa án xem xét cản trừ số tiền 382.000.000 đồng trong tổng số tiền 420.000.000 đồng bà H đã nhận của vợ chồng bà C năm 2019 vào số tiền gốc.

- Yêu cầu buộc nguyên đơn bà H phải bồi thường thiệt hại thực tế do bà H chiếm giữ chiếc xe ô tô tải của gia đình bà C, khi chưa đến hạn thanh toán nợ nên vợ chồng bà C phải thuê xe từ ngày 11/01/2020 đến nay với giá thuê xe là 35.000.000 đồng/tháng

- Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 48C – 02879 giữa ông Dương Quốc H1 với bà Phạm Thị Kim H vô hiệu, đồng thời xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu và hủy nội dung thế chấp chiếc xe vì nội dung này là vi phạm điều cấm của luật.

- Buộc bà Phạm Thị Kim H phải trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 48C – 08279.

- Hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48C – 02879 đứng ông Dương Quốc H1.

- Yêu cầu buộc bà H phải bồi thường thiệt hại bị mất do chiếc xe ô tô mang lại với số tiền vợ chồng bà C yêu cầu bà H bồi thường là 20.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 11/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị C đồng ý giao chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 48C - 082.79 cho bà Phạm Thị Kim H với giá trị 750.000.000 đồng, để khấu trừ một phần một phần giá trị nợ gốc 1.400.000.000 đồng. đề nghị bà H, ông H1, ông T1, bà C liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy tờ xe theo quy định cho bà H.

Do đã thỏa thuận được giá trị chiếc xe nên bị đơn rút một số yêu cầu phản tố sau:

- Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 48C – 02879 giữa ông Dương Quốc H1 với bà Phạm Thị Kim H vô hiệu, đồng thời xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu và hủy nội dung thế chấp chiếc xe vì nội dung này là vi phạm điều cấm của luật.

- Buộc bà Phạm Thị Kim H phải trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 48C – 08279.

- Hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48C – 02879 đứng tên ông Dương Quốc H1.

- Yêu cầu buộc bà H phải bồi thường thiệt hại bị mất do chiếc xe ô tô mang lại với số tiền vợ chồng bà C yêu cầu bà H bồi thường là 20.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 11/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa thay đổi yêu cầu bồi thường tiền thuê xe 32.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 11/01/2020 đến ngày xét xử 01/7/2024 (là 53 tháng 19 ngày) = 1.696.000.000 đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ông Dương Quốc H1, bà Phạm Thị H2: Bà Phạm Thị H2 là chị gái của bà H, bà C, còn ông H1 là anh rể của bà H, bà C. Vào năm 2018 vợ chồng bà C có vay của bà H số tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng. Việc vợ chồng bà C vay tiền của bà H hai bên có viết giấy vay tiền hai lần: Lần thứ nhất hai bên thỏa thuận số tiền vay là 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 2%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, không thế chấp tài sản gì. Lần thứ hai trong giấy vay tiền cũng thể hiện, số tiền gốc mà vợ chồng bà C vay bà H là 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 2%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng và có thể chấp tài sản là chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát số 48C – 08279 với giá trị là 700.000.000 đồng. Chiếc xe ô tô tải này do vợ chồng bà C nhờ chồng bà là ông H1 đứng tên. Đến khoảng tháng 01/2020 bà H có nói cho vợ chồng bà là bà H đã có cả vệt xe rồi nên nhờ ông H1 đi làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau khi bà H lấy được giấy tờ xe từ anh Nguyễn Văn T2 thì bà H cùng với vợ chồng bà đến phòng công chứng để làm thủ tục công chứng sang tên, đổi chủ chiếc xe của vợ chồng bà C. Tuy nhiên các bên mới chỉ làm hợp đồng công chứng chứ chưa thực hiện việc sang tên, đổi chủ chiếc xe theo quy định. Việc bà H cho vợ chồng bà C vay tiền không liên quan gì đến vợ chồng bà. Ông bà không có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2. Anh Lê Văn D: Anh D1 là người được bà H thuê lái xe ô tô tải biển kiểm soát 48C – 08279, trước đó thì anh D1 có thuê chiếc xe trên của bà H với giá là 15.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê là 06 tháng từ tháng 3/2020 đến tháng 9/2020. Khi anh D1 thuê xe của bà H thì bà H có giao các giấy tờ như cả vệt xe, đăng kiểm, bảo hiểm xe các giấy tờ này đều đứng tên ông Dương Quốc H1. Sau khi hết thời hạn thuê xe anh D1 đã trả lại xe cho bà H và giấy tờ kèm theo, hiện nay anh D1 không còn thuê xe của bà H nữa. Tranh chấp giữa bà H với vợ chồng bị đơn không liên quan gì đến anh D1, anh không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Người làm chứng trình bày:

4.1. *Anh Phạm Minh B:* Anh B là anh trai của bà H, bà C. Việc bà H cho vợ chồng bà C vay tiền thì anh B không biết, sau này giữa bà H và bà C xảy ra mâu thuẫn với nhau thì anh B mới biết. Giấy vay tiền giữa bà H với vợ chồng bà C được lập thành hai bản với thời gian khác nhau. Giấy vay tiền lần thứ nhất không thỏa thuận về tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải của vợ chồng bà C. Sau này giữa các bên thỏa thuận tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải với giá là 700.000.000 đồng thì các bên có lập lại giấy vay tiền khác. Việc vợ chồng bà C đã thanh toán nợ cho bà H hay chưa thì anh B không biết.

4.2. *Anh Nguyễn Văn T2:* Anh T2 là người được vợ chồng bà C thuê lái xe, vào khoảng tháng 01/2020 anh T2 có nhận được một cuộc điện thoại của một người đàn ông thuê xe chở hoa từ địa phận D, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về huyện Đ, tỉnh Đắk Nông với giá 4.000.000 đồng/chuyến. Trước khi đi anh T2 có báo với vợ chồng bà C. Khi anh T2 điều khiển xe tải biển kiểm soát 48C – 08279 đến D thì có hai người đàn ông nói với anh T2 cho xe vào cây xăng chờ họ đi lấy ván để lót sàn. Khoảng hai tiếng sau thì anh T2 thấy bà H, ông H1 và một số người tới, bà H yêu cầu anh T2 đưa giấy tờ xe cho bà, lúc đầu anh T2 không đưa nhưng sau đó bị những người đi cùng bà H dọa đánh nên anh T2 đưa chìa khóa xe ô tô tải trên cho bà H và bà H đã lên xe lấy giờ tờ đem đi đâu thì anh T2 không biết.

4.3. *Ông Nguyễn Đình A:* Vào ngày 16/01/2020 ông A có cho vợ chồng bà C thuê xe tải có biển kiểm soát 48C - 02489 có trọng tải 17,3 tấn với giá là 35.000.000 đồng/tháng, đến ngày 16/9/2023 là 44 tháng ông T1 bà C đã trả cho ông số tiền 1.540.000.000 đồng, tương ứng mỗi tháng 35.000.000 đồng, hiện nay vợ chồng bà C, T1 vẫn đang thuê xe của ông, thời hạn trả lãi 06 tháng/01 lần. Việc tranh chấp giữa các bên không liên quan gì đến ông A nên ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 01-07-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông quyết định: *Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 133; Điều 166; Điều 466; Điều 468, Điều 470, Điều 589; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:*

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 bà Phạm Thị C phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H số tiền gốc còn lại 1.385.720.000 đồng (Một tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), tiền lãi 1.261.368.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng là 2.647.048.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trừ đi số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) tương đương giá trị chiếc xe ô tô BKS 48C -082.79 các bên thỏa thuận cản trừ còn lại ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C còn phải trả cho bà Phạm*

Thị Kim H số tiền 1.897.048.000 đồng (Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 bà Phạm Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc H1, bà Phạm Thị H2: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 bà Phạm Thị C đồng ý giao chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 48C -082.79 cho bà Phạm Thị Kim H với giá trị 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), để khấu trừ một phần một phần giá trị tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Bà Phạm Thị H, ông Dương Quốc H1, ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy tờ xe theo quy định cho bà Phạm Thị H.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H.

Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H phải bồi thường cho bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C số tiền 1.716.267.000 đồng (Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

4. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H gồm;

- Yêu cầu Hủy một phần hợp đồng vay tài sản ngày 05/9/2019 giữa bà Phạm Kim H với bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nội dung sửa chữa, tẩy xóa mức lãi suất từ 0,2% lên 2%.

- Yêu cầu Tòa án xem xét căn trừ số tiền 378.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng) trong tổng số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) bà Phạm Thị Kim H đã nhận của vợ chồng bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 năm 2019 vào số tiền gốc.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử một số yêu cầu phản tố của bị đơn, chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 11-7-2024, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Bà H không đồng ý với số tiền lãi 1.261.368.000 đồng, bà yêu cầu phải tính thêm lãi quá hạn đối với khoản tiền 1.400.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01-8-2019 đến 05-9-2019; không đồng ý căn trừ 750.000.000 đồng chiếc xe mang biển kiểm soát 48C-08.279 vì chưa được thẩm định giá, định giá (bà H cho rằng giá này là quá cao); không đồng ý bồi thường cho ông T1, bà C số tiền 1.716.267.000 đồng.

Ngày 15-7-2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị C không đồng ý với lãi suất 1,66%/tháng; chỉ trừ số tiền 84.000.000 đồng là gây bất lợi cho ông bà vì ông bà đưa cho bà H số tiền 420.000.000 đồng và số tiền 28.000.000 đồng/tháng là cả gốc và lãi. Vì vậy, ông bà kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân T (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) rút kháng cáo đối với các nội dung: Bà H không đồng ý với số tiền lãi 1.261.368.000 đồng, bà yêu cầu phải tính thêm lãi quá hạn đối với khoản tiền 1.400.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01-8-2019 đến 05-9-2019; không đồng ý căn trừ 750.000.000 đồng chiếc xe mang biển kiểm soát 48C-08.279 vì chưa được thẩm định giá, định giá (bà H cho rằng giá này là quá cao). Ông T chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đối với số tiền bồi thường 1.716.267.000 đồng. Ông Hoàng Văn Q đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác kháng cáo của nguyên đơn và đối với các nội dung kháng cáo của nguyên đơn đã rút thì đình chỉ xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Kim H. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 01-07-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông về phần bồi thường thiệt hại theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H. Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H phải bồi thường cho bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 số tiền 256.000.000 đồng. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Các vấn đề khác giữ nguyên như bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà H:

[2.1]. Đối với nội dung bà H không đồng ý với số tiền lãi 1.261.368.000 đồng, bà yêu cầu phải tính thêm lãi quá hạn đối với khoản tiền 1.400.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 01-8-2019 đến 05-9-2019; không đồng ý căn trừ 750.000.000 đồng chiếc xe mang biển kiểm soát 48C-08.279 vì chưa được thẩm định giá, định giá (bà H cho rằng giá này là quá cao), xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút kháng cáo đối với các nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử.

[2.2]. Đối với nội dung bà H không đồng ý bồi thường cho ông T1, bà C số tiền 1.716.267.000 đồng, xét thấy: Tại thỏa thuận vay tiền 05-9-2019 (bút lục số 151) giữa bà H và ông T1, bà C *“Bên B thế chấp (sang tên) tài sản có giá trị tương ứng với số tiền vay là 1 chiếc xe tải mang biển kiểm soát 48C-02879 cho bên A là bà Phạm Thị Kim H đứng tên (nhưng quyền sử dụng vẫn là của bên B). Giá trị của xe là 700.000.000 đồng (bằng chữ là bảy trăm triệu đồng)”*. Như vậy, theo thỏa thuận ông T1, bà C phải làm thủ tục sang tên xe cho bà H nhưng ông

bà không thực hiện là lỗi của ông bà. Mặc dù xuất phát ban đầu lỗi của ông T1, bà C nhưng lẽ ra bà H phải thực hiện các phương thức, cách thức theo quy định của pháp luật để yêu cầu ông T1, bà C thực hiện hoặc buộc phải thực hiện nghĩa vụ, nhưng bà H không thực hiện như quy định của pháp luật mà tự ý giữ xe tải khi không có sự đồng ý của ông T1, bà C là lỗi của bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định các bên đều có lỗi, tỷ lệ lỗi là bằng nhau trong việc gây thiệt hại thực tế cho bà C, ông T1 nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ thiệt hại (đã được cấp sơ thẩm xác định và làm rõ là 1.716.267.000 đồng) nên buộc bà H bồi thường cho ông T1, bà C số tiền 858.133.500 đồng (= 1.716.267.000 đồng : 2) là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H đối với số tiền bồi thường.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông T1 và bà C về các nội dung ông bà không đồng ý với lãi suất 1,66%/tháng; chỉ trừ số tiền 84.000.000 đồng là gây bất lợi cho ông bà vì ông bà đưa cho bà H số tiền 420.000.000 đồng và số tiền 28.000.000 đồng/tháng là cả gốc và lãi, xét thấy: Tại mục [2.2] phần Nhận định của Tòa án Bản án dân sự phúc thẩm số: 46/2022/DS-PT ngày 06-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã nhận định rõ về các nội dung này. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 23-4-2020 (bút lục số 137) và ngày 03-8-2020 (bút lục 139) tại Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ông T1 đều thừa nhận vay tiền của bà H với lãi suất 2%/tháng, đóng tiền lãi theo tháng, mỗi tháng đóng 28.000.000 đồng/tháng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T1, bà C.

[4]. Đối với án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá tài sản cần sửa lại cho đúng quy định pháp luật.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T1, bà C không được chấp nhận nên ông T1, bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; đối với bà H kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2024/DS-ST ngày 01-07-2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227, Điều 244, khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 133, Điều 166, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C phải trả cho bà Phạm Thị Kim H số tiền gốc 1.385.720.000đ (*Một tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*), tiền lãi 1.261.368.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng*), tổng 2.647.048.000đ (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*), trừ đi số tiền 750.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*) tương đương giá trị chiếc xe ô tô BKS 48C -082.79 các bên thỏa thuận cản trừ, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị C còn phải trả cho bà Phạm Thị Kim H 1.897.048.000đ (*Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

1.2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H, bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc H1, bà Phạm Thị H2: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C đồng ý giao chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 48C -082.79 cho bà Phạm Thị Kim H với giá trị 750.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*), để trừ một phần nợ gốc. Bà Phạm Thị H, ông Dương Quốc H1, ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy tờ xe theo quy định cho bà Phạm Thị Kim H.

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H về việc buộc bà Phạm Thị Kim H bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C số tiền 858.133.500đ (*T3 trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng*).

1.4. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H, gồm:

- Yêu cầu Hủy một phần hợp đồng vay tài sản ngày 05/9/2019 giữa bà Phạm Kim H với bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nội dung sửa chữa, tẩy xóa mức lãi suất từ 0,2% lên 2%.

- Yêu cầu Tòa án xem xét cản trừ số tiền 378.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi tám triệu đồng*) trong tổng số tiền 420.000.000đ (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*) bà Phạm Thị Kim H đã nhận của vợ chồng bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 năm 2019 vào số tiền gốc.

1.5. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T1 đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H, gồm:

- Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô biển kiểm soát 48C – 02879 giữa ông Dương Quốc H1 với bà Phạm Thị Kim H vô hiệu, đồng thời xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H phải trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát 48C – 08279.

- Hủy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 48C – 02879 đứng tên ông Dương Quốc H1.

- Yêu cầu buộc bà H phải bồi thường thiệt hại bị mất do chiếc xe ô tô mang lại với số tiền vợ chồng bà C yêu cầu bà H bồi thường là 20.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 11/01/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

1.6. Về chi phí định giá tài sản: Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H phải trả lại cho bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Văn T1 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

1.7. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới chịu 87.103.630đ (*Tám mươi bảy triệu một trăm không ba nghìn sáu trăm ba mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 13.450.000đ (*Mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0004127 ngày 20-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Văn T1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 73.653.630đ (*Bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi đồng*).

- Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H phải chịu 37.744.005đ (*Ba mươi bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.591.000đ (*Hai mươi triệu năm trăm chín mươi mốt nghìn đồng*) theo biên lai số 0003088 ngày 25-9-2020 và 17.918.000đ (*Mười bảy triệu chín trăm mười tám nghìn đồng*) theo biên lai số 0003088 ngày 25-9-2020 và số 0004034 ngày 18-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông; bà Phạm Thị Kim H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 764.995đ (*Bảy trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị C mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008035 và 0008036 cùng ngày 19-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Trả lại cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008033 ngày 18-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều

7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Hữu